

Số: 85/2022/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 11 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “*Hôn nhân và gia đình*” giữa các đương sự;

\* Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Thu T** - Sinh năm 1992

Nơi cư trú: Khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Hiện ở tại: Khu G, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ

\* Bị đơn: Anh **Trần Văn K** - Sinh năm 1988

Nơi cư trú: Khu Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Hiện ở tại: Khu G, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thanh Ba do ông Dương Anh T - Giám đốc Phòng Giao dịch đại diện.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào “*Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành*” ngày 01 tháng 7 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong “*Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải*” thành ngày 01 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đinh Thị Thu T** và anh **Trần Văn K**.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con chung sau ly hôn.

- Chị **Đinh Thị Thu T** đ-ợc quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng 01 con chung là **Trần Khánh L**; sinh ngày 22/7/2020;

- Anh **Trần Văn K** đ-ợc quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng 01 con chung là **Trần Văn N**; sinh ngày 23/01/2012.

(*Hiện nay cả 02 con chung vẫn đang ở cùng chị T và anh K tại khu G, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ*).

Chị **Đinh Thị Thu T** và anh **Trần Văn K** không phải cấp d-ỡng nuôi con sau ly

hôn.

Sau khi ly hôn, chị Đinh Thị Thu T và anh Trần Văn K đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung chị Đinh Thị Thu T và anh Trần Văn K không yêu cầu nên không giải quyết.

2.3. Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Trần Văn K có nghĩa vụ trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thanh Ba toàn bộ số tiền nợ gốc là 50.000.000.đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong.

2.4. Về công sức đóng góp và các vấn đề khác chị T và anh K không có nên không giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Đinh Thị Thu Thủy nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000.đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số: AA/2020/0003354 ngày 23 tháng 3 năm 2022. Hoàn trả lại cho chị Đinh Thị Thu T số tiền 150.000.đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trở đồng hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Q, h.T;
- Các đơn vị;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**THẨM PHÁN**

**Tạ Hồng Tuấn**